

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 67/2017/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
(Kỳ họp HĐQT Quý IV/2017)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Quốc hội XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được bổ sung sửa đổi ngày 27/4/2017;
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 16/10/2017 đã được các thành viên dự họp nhất trí thông qua,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 thống nhất thông qua các nội dung sau:

I. Thông qua báo cáo thực hiện SXKD quý III, 9 tháng đầu năm 2017

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu SXKD quý III năm 2017

TT	Nội dung	ĐVT	KHSXKD Quý III	Thực hiện Quý III	Tỷ lệ % HT
A	Kế hoạch SXKD				
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	251.428	180.901	72
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	233.500	121.446	52
2	Giá trị SX công nghiệp	“	13.927	15.923	114
3	Giá trị kinh doanh khác	“	4.000	43.532	
II	Kế hoạch tài chính				
1	Doanh số	“	241.497	218.732	91
2	Doanh thu	“	231.245	206.599	89
3	Tiền về tài khoản	“	239.082	210.775	88
4	Nộp Ngân sách	“	6.909	13.067	193
5	Lợi nhuận				
	- Lợi nhuận trước thuế	“	15.262	25.011	164
	- Lợi nhuận sau thuế	“	14.565	22.457	154
6	Tỷ suất lợi nhuận				
-	LN trước thuế/ Doanh thu	%	6,6	9,9	150
-	LN sau thuế/ VCSH	%	2,3	3,6	152
-	LN sau thuế/Tổng tài sản	%	1,0	1,6	153
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	628.363	631.088	100
8	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	342.340	342.340	100

TT	Nội dung	ĐVT	KHSXKD Quý III	Thực hiện Quý III	Tỷ lệ % HT
10	Nợ phải trả/VCSH	Lần	1,25	1,25	100
11	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 ³ đ	7.875	9.239	117
III	Kế hoạch đầu tư	10⁶đ	42.991	21.591	50
1	Đầu tư mở rộng SXKD	10 ⁶ đ	42.991	21.591	50
2	Đầu tư nâng cao năng lực thi công	10 ⁶ đ			

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu 9 tháng đầu năm 2017

TT	Nội dung	ĐVT	KHSXKD năm 2017	Thực hiện 9 tháng	Tỷ lệ % HT
A	Kế hoạch SXKD				
I	Tổng giá trị SXKD	10⁶đ	926.000	535.474	58
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	872.824	440.904	51
2	Giá trị SX công nghiệp	“	42.700	40.154	94
3	Giá trị kinh doanh khác	“	10.475	54.415	
II	Kế hoạch tài chính				
1	Doanh số	“	918.000	581.129	63
2	Doanh thu	“	835.519	559.561	67
3	Tiền về tài khoản	“	876.128	522.144	63
4	Nộp Ngân sách	“	63.786	24.543	38
5	Lợi nhuận				
	- Lợi nhuận trước thuế	“	50.000	39.821	80
	- Lợi nhuận sau thuế	“	40.000	34.213	86
6	Tỷ suất lợi nhuận				
-	LN trước thuế/ Doanh thu	%	6,0	7,1	119
-	LN sau thuế/ VCSH	%	6,3	5,4	86
-	LN sau thuế/Tổng tài sản	%	2,2	2,4	112
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	636.892	631.088	99
8	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	342.340	342.340	100
9	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.854.645	1.419.044	77
10	Nợ phải trả/VCSH	Lần	1,95	1,25	64
11	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 ³ đ	8.188	8.691	106
III	Kế hoạch đầu tư	10⁶đ	379.466	89.711	24
1	Đầu tư mở rộng SXKD	10 ⁶ đ	314.982	89.711	28
2	Đầu tư nâng cao năng lực thi công	10 ⁶ đ	64.484	0	

II. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV/2017 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2018:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chính:

TT	Nội dung	ĐVT	KHSXKD quý IV	Dự kiến năm 2018
A	Kế hoạch SXKD			
I	Tổng giá trị SXKD	10⁶đ	390.525	950.000
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	371.158	859.614
2	Giá trị SX công nghiệp	“	13.012	50.386
3	Giá trị kinh doanh khác	“	6.500	40.000
II	Kế hoạch tài chính	“		
1	Doanh số	“	336.870	940.000
2	Doanh thu	“	314.284	865.208
3	Tiền về tài khoản	“	313.289	1.099.117
4	Nộp Ngân sách	“	9.626	39.609
5	Lợi nhuận	“		
	Lợi nhuận trước thuế	“	10.179	50.517
	Lợi nhuận sau thuế	“	8.143	42.984
6	Tỷ suất lợi nhuận			
-	LN trước thuế/ Doanh thu	%	3,2	5,8
-	LN sau thuế/ VCSH	%	1,3	6,7
-	LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,6	2,5
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	639.231	639.414
8	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	342.340	342.340
9	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.476.250	1.712.356
10	Nợ phải trả/VCSH	Lần	1,31	1,68
III	LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG			
1	Tổng số CBCNV bq sử dụng	Người	1.260	1.260
2	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 ³ đ	10.848	9.722
B	Kế hoạch đầu tư	10⁶đ	131.913	516.238
1	Đầu tư mở rộng SXKD	10 ⁶ đ	93.406	516.238
2	Đầu tư nâng cao năng lực thi công	10 ⁶ đ	38.507	

Hội đồng quản trị dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 để trình Tổng công ty Sông Đà (công ty Mẹ) và báo cáo Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua.

2. Mục tiêu tiến độ chính trên các công trường quý IV/2017:

2.1. Công trình Nậm Thuen 1: Tổng khối lượng đào đất đá là 584.612m³; cụ thể: hoàn thành thi công hố móng nhà máy trước 30/10/2017 và khối lượng đào đất đá là

57.329m³, khối lượng đào đất đá hồ móng vãi trái là 364.088m³, khối lượng đào đất đá cửa nhận nước là 136.188m³.

2.2. *Thủy điện Nậm Nghiệp 1*: Đổ bê tông RCC đập chính đến cao trình 322.0 phía bờ phải, khối lượng: 320.000m³.

2.3. *Thủy điện Tân Thượng*: Tổng khối lượng thi công: Đào, đắp đất đá là 159.860m³, bê tông là 4.455m³. Cụ thể: Khối lượng đào đất đá Đập tràn - Cùm đầu mỗi là 11.000m³, đắp đất đá: 6.360m³, bê tông: 955m³; Hoàn thành thi công hồ móng nhà máy trước 10/12/2017, khối lượng đào đất đá: 41.000m³; đối với kênh xả khối lượng thi công đào đất đá là 50.000m³; *Kênh dẫn nước*: Khối lượng thực hiện đào đất đá: 51.000m³, bê tông: 3.500m³ (đến 31/12/2017)

2.4. *Công trình thủy điện Sơn Giang*: Hoàn thành thi công hạng mục cống lấy nước + Kênh dẫn đoạn 1 trước 30/11/2017, với khối lượng bê tông: 1.550m³, đắp đất đá: 10.950m³; Kênh dẫn đoạn 2: khối lượng đào đất đá: 145.000m³, đắp đất đá: 25.000m³; bê tông: 2.500m³; Hoàn thành đường vận hành bờ kênh trước: 31/12/2017, khối lượng đắp đất đá: 13.000m³

2.5. *Bãi thải xỉ nhà máy nhiệt điện Long Phú 1*: Hoàn thành thi công bóc phủ và đào xử lý nền tuyến đê bao trước 31/12/2017 với khối lượng đào đất: 24.000m³ và đắp cát xử lý nền: 30.000m³; Hoàn thành thi công hạ nền và bóc phủ lòng hồ bãi xỉ trước 31/12/2017 với khối lượng đào đất: 104.000m³.

2.6. *Thủy điện Xekaman 1*: Hoàn thành thi công tháo dỡ bê tông và đắp đất mở rộng trạm OPY trước 20/10/2017, gia cố mái và bàn giao công trình trước ngày 30/10/2017 với khối lượng bê tông: 263m³, trồng cỏ: 1.477m², lát khan đá hộc: 1.365m³, đắp đất: 11.300m³, tháo dỡ bê tông: 2.000m³

2.7. *Thủy điện Đắc Psi*: Dự kiến triển khai thi công trong quý IV/2017 đường vận hành D1 và đào đất đá hồ móng nhà máy, kênh xả, đường ống áp lực.

2.8. *Công trình kè Vĩnh Long*: Dự kiến triển khai trong quý IV, khối lượng đào đất: 15.000m³, đắp đất: 70.000m³, bê tông: 20.000m³

2.9. *Thủy điện Pake*: Tổng khối lượng thi công: Đào đất đá: 112.810m³, bê tông: 24.587m³. Trong đó: Hoàn thành thi công đào hồ xói đập tràn trước 31/12/2017 với khối lượng đào đất đá: 29.410m³; Hoàn thành thi công bê tông cống xả cát đập tràn trước 31/12/2017 với khối lượng: 2.156m³, bê tông đập tràn: 12.174m³, cống xả rác: 1.671m³, trụ pin: 1.293m³; Hoàn thành lắp đặt đường ống áp lực cửa nhận nước trước 31/12/2017 khối lượng 58 tấn, đổ bê tông cửa nhận nước đến cao độ 253 với khối lượng: 6.014m³, bê tông bọc đường ống: 154m³; Hồ móng vai phải giai đoạn 1: hoàn thành công tác đào hồ móng trước: 10/10/2017 với khối lượng đào đất đá: 10.000m³, thi công bê tông đến cao trình 260, khối lượng: 2700m³; Hoàn thành xử lý khối sạt đường VH2 trước 30/12/2017, khối lượng đào đất đá: 27.800m³, gia cố mái trước 31/12/2017, khối lượng: 16.975m²; Hoàn thành đổ bê tông bờ trái đến cao độ 244 trước 30/10/2017, cao độ 252 trước 31/12/2017, tổng khối lượng bê tông: 3.048m³; Hoàn thành thi công hồ móng nhà máy phạm vi kênh xả trước 30/10/2017, phạm vi nhà máy trước 30/11/2017 với tổng khối lượng đào đất đá: 23.600m³

3. Các giải pháp để hoàn thành:

3.1. Công tác tiếp thị đấu thầu, thị trường:

Thực hiện kế hoạch phát triển thị trường, cụ thể như sau: Tiếp thị các dự án nhiệt điện lớn có yếu tố nước ngoài; Đấu thầu và làm tổng thầu các dự án thủy điện vừa và nhỏ trong nước; Mở rộng ngành nghề như xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng công trình; Thi công các công trình đường giao thông với tính chất nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ phù hợp với năng lực của đơn vị hoặc liên danh; Tiếp tục tìm kiếm các công trình thủy điện vừa và nhỏ để đầu tư xây dựng.

3.2. Công tác cơ giới - vật tư

- Phân loại, tổ chức sửa chữa xe máy thiết bị có khả năng sử dụng hiệu quả để chuẩn bị tốt cho công tác sản xuất; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết toán nhiên liệu, việc sử dụng vật tư phụ tùng ở các đơn vị theo định kỳ tháng, quý, năm đồng thời đưa ứng dụng phần mềm để quản lý cơ giới vật tư;
- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và lập kế hoạch dự trữ vật tư trên cơ sở tổng hợp số liệu cập nhật 5 năm gần nhất cho từng loại công trình để lập kế hoạch vật tư phụ tùng cho sát với thực tế, tránh việc giá trị tồn kho lớn;
- Cơ cấu lại sơ đồ bố trí máy và tỷ lệ các loại thiết bị đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề (các thiết bị đáp ứng ngành xây dựng giao thông, thủy lợi được liên kết để sử dụng phù hợp từ các đối tác chiến lược)

3.3. Công tác kỹ thuật công nghệ, an toàn.

- Xây dựng chi tiết các mốc tiến độ thi công tại các công trình, tổ chức chỉ đạo, kiểm soát, giám sát chặt chẽ để đảm bảo tiến độ đề ra.
- Tập trung lực lượng làm công tác quyết toán, bàn giao các công trình đã thi công xong; Giải quyết các vướng mắc với Chủ đầu tư về thiết kế, biện pháp thi công; quyết toán công trình;
- Quản lý và đảm bảo công tác an toàn trên các công trường Công ty tham gia thi công;
- Áp dụng triệt để mô hình quản lý tiến độ, khối lượng và mô phỏng về hiện trạng thi công các công trình trên cơ sở ứng dụng các phần mềm quản lý dự án Primavera, Project.
- Tuyển dụng hoặc đào tạo tổ giám đốc an toàn các công trình theo mô hình hợp đồng tổng thầu EPC với Chủ đầu tư nước ngoài; Áp dụng việc quản lý trực tuyến các công trình do Công ty đầu tư.

3.4. Công tác kinh tế- chiến lược.

- Hoàn chỉnh giá thành các công trình đã có và xây dựng mới giá thành các công trình phát sinh để kiểm soát chi phí.
- Hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý để quản lý đầu tư xây dựng cơ bản dự án thủy điện Pake đảm bảo đúng luật, đúng quy định.
- Ký hợp đồng thiết bị cơ điện đồng bộ; thiết bị cơ khí thủy công đáp ứng tiến độ dự án Pake.

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ pháp lý phục vụ giải trình dự án XKM1 và XKM3.
- Tập trung công tác quản lý các dự án đầu tư và với các đơn vị.
- Giải quyết dứt điểm các vướng mắc kinh tế tại công trình thi công; tập trung cho công tác quyết toán các công trình đã thi công xong;

3.5. Công tác tài chính, tín dụng.

- Công tác thu hồi công nợ: Chú trọng công tác thu hồi công nợ khó đòi, nợ dây dưa quá hạn, nợ tạm vay tạm ứng nội bộ để đảm bảo lành mạnh hóa báo cáo tài chính, giảm thiểu rủi ro trong thu vốn;
- Công tác tín dụng ngắn hạn: Hàng tháng xây dựng kế hoạch dòng tiền chi tiết cho năm 2017; Cân đối đầy đủ vốn lưu động cho hoạt động SXKD toàn công ty
- Công tác tín dụng dài hạn: Kết hợp cùng các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ công ty lập hồ sơ giải ngân vốn đầu tư Pake theo đúng kế hoạch đã lập; Chuẩn bị đầy đủ nguồn vốn đối ứng vay dài hạn cho công tác đầu tư; Cân đối trả nợ gốc, lãi vay dài hạn theo đúng điều khoản, kỳ hạn đã ký kết, và hoàn thành thoái vốn tại các công ty và tổ chức tài chính còn lại.

3.6. Công tác đầu tư.

Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng dự án thủy điện PaKe đúng tiến độ kế hoạch, thực hiện tốt một số nội dung công việc cụ thể sau:

- Tăng cường nhân lực, thiết bị, tăng ca kíp thi công để đảm bảo mục tiêu tiến độ; Phân công cụ thể các nhân sự phụ trách từng lĩnh vực để kịp thời xử lý, tháo gỡ vướng mắc trong công tác thủ tục pháp lý, trình duyệt cũng như thi công xây lắp trên công trường;
- Quản lý hợp đồng khoa học chặt chẽ, giám sát để đảm bảo đúng và đủ năng lực của các nhà thầu từ khi đấu thầu, đàm phán hợp đồng đến khi triển khai công việc; phê duyệt kịp thời dự toán, đơn giá công trình thủy điện Pa Ke để làm cơ sở thanh toán nội bộ giữa các đơn vị; hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu vực Nhà máy, dự án thủy điện Pa Ke.

3.7. Công tác Pháp chế và quản trị rủi ro.

- Hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định, hướng dẫn về quản lý rủi ro; Không ngừng nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro trong hoạt động SXKD.
- Rà soát hoàn thiện và xây dựng các quy chế quản lý nội bộ của đơn vị đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị; Tổ chức nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, quản lý và cập nhật hệ thống văn bản quy chế của đơn vị. Cập nhật những văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành để kịp thời thông báo tới công ty và các đơn vị trực thuộc.

III. Nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng quản trị công ty quý IV năm 2017.

1. Chỉ đạo hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh quý IV và năm 2017;
2. Chỉ đạo quyết liệt công tác thu hồi công nợ, nhất là công nợ cá nhân, công nợ khó đòi đảm bảo lành mạnh hóa tài chính của Công ty;

3. Nâng cao vai trò và trách nhiệm của người quản lý trong việc thực hiện quản lý, quản trị công ty; rà soát sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định của Công ty;
4. Tập trung giải quyết kịp thời nhanh chóng các khó khăn vướng mắc, các tồn tại về kinh tế tại các dự án đã và đang thi công như: Xekaman1, Xekaman 3, Nậm Nghiệp 1, Nậm Thuen1, đập Hoàng Sìn Hồ (Lai Châu) để thu hồi vốn;
5. Thực hiện tốt công tác đầu tư và quản lý đầu tư dự án thủy điện Pa Ke; Hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu các gói thầu: cung cấp thiết bị cơ điện đồng bộ, cung cấp thiết bị cơ khí thủy công, khảo sát thiết kế đường dây 110kv, thi công đảm bảo tiến độ năm 2017;
6. Tăng cường công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm đảm bảo đủ việc làm cho năm 2017 và các năm tiếp theo;
7. Tập trung giải quyết nhanh các thủ tục liên quan đến triển khai đầu tư dự án thủy điện Nậm Khánh B để hoàn thành bổ sung quy hoạch trước 31/12/2017. Tổ chức thực hiện xong công tác đấu thầu các gói thầu thiết bị - dự án đầu tư bổ sung hao mòn XMTB năm 2017;
8. Triển khai đồng bộ công tác hạch toán kinh doanh và quản trị rủi ro: phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh các đơn vị quý III và 9 tháng đầu năm 2017; các hợp đồng gói thầu xây lắp mới triển khai;
9. Tiếp tục thực hiện kế hoạch tái cấu trúc, thoái vốn của Công ty tại các doanh nghiệp không thuộc lĩnh vực kinh doanh chính hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả thấp;
10. Kiểm tra, kiểm soát và nâng cao chất lượng vai trò công tác kiểm soát nội bộ, phòng ngừa rủi ro;
11. Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và chiến lược kinh doanh trong giai đoạn mới đảm bảo ổn định và phát triển bền vững của Công ty

IV. Một số nội dung khác:

1. Thông qua đề Tổng giám đốc công ty miễn nhiệm chức vụ Phó phòng Kỹ thuật công nghệ đối với ông Lê Minh Khánh - Kỹ sư Thủy lợi và miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc Chi nhánh Sông Đà 903 đối với ông Nguyễn Văn Thao - Kỹ sư Địa chất công trình.
2. Thông qua chỉ định bà Lê Thị Thanh Hiền Yên - Cử nhân Luật là người phụ trách Quản trị công ty (theo nghị định 71/2017/NĐCP ngày 06/6/2017 về quản trị công ty)
3. Rà soát sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và xây dựng Quy chế quản trị Công ty (theo thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017).

Điều 2. Hội đồng quản trị công ty giao cho Tổng giám đốc công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

Điều 3. Quyết nghị này có hiệu lực kể từ ngày ký, Tổng giám đốc công ty cổ phần Sông Đà 9, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Trưởng các phòng ban Công ty theo thẩm quyền căn cứ quyết nghị thực hiện.

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT:

Ông: *Trần Thế Quang*.....

Ông: *Lê Công Tình*.....

Ông: *Nguyễn Văn Đại*.....

Ông: *Nguyễn Gia Hân*.....

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Cường

U
S
D
9